

Bản án số: 45/2024/HNGĐ- ST

Ngày 30/9/2024

“V/v: Ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN DŨNG, TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Anh

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Đào Xuân Thịnh

2. Bà Nguyễn Thị Nhân

- Thư ký phiên tòa: Bà Lương Thị Nhẫn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Dũng tham gia phiên tòa:
Ông Lương Văn Tuấn - Kiểm sát viên.

Ngày 30/9/2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số: 31/2024/TLST-HNGĐ ngày 13/3/2024 về việc “Ly hôn” theo Q định đưa vụ án ra xét xử số 37/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 12/7/2024 và Q định hoãn phiên tòa số 25/2024/QĐST-HNGĐ ngày 12/8/2024 giữa các đương sự:

* **Nguyên đơn:** Ông Phí Quang L, sinh năm 1957; địa chỉ: Thôn Đông Phú, xã Xuân Phú, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang (Vắng mặt).

* **Bị đơn:** Bà Đào Thị K, sinh năm 1960; địa chỉ: Thôn Đông Phú, xã Xuân Phú, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

* Theo đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 08/01/2024, biên bản lấy lời khai và quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn ông Phí Quang L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà Đào Thị K được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới hỏi theo phong tục tập quán của địa phương năm 1978. Vợ chồng lấy nhau trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có sự tìm hiểu. Trước khi kết hôn ông, bà có đến UBND xã Xuân Phú, huyện Yên Dũng để đăng ký kết hôn theo quy định, tuy nhiên do thời gian đã quá nhiều năm nên đến nay ông không còn lưu giữ được giấy đăng ký kết hôn để cung cấp cho Tòa án.

Sau khi kết hôn bà K về chung sống cùng ông ngay, vợ chồng chung sống hoà thuận hạnh phúc đến khoảng năm 1988 thì bắt đầu xảy ra mâu thuẫn với nhau. Nguyên nhân xảy ra mâu thuẫn là do ông phát hiện bà K có quan hệ bất chính với người đàn ông khác dẫn đến việc vợ chồng xảy ra cãi chửi nhau. Tuy nhiên vì thương các con nên ông đã tha thứ và cho bà K cơ hội sửa sai để làm lại nhưng bà K vẫn không thay đổi. Đến năm 1993 bà K đã tự ý bỏ về gia đình nhà mẹ đẻ ở, sau đó bà K đi làm ăn ở đâu thì ông không nắm được. Sau này ông có nghe thông tin là bà K đi Trung Quốc làm ăn, còn thực tế bà K có đi Trung Quốc hay không thì ông cũng không rõ. Tuy nhiên, thỉnh thoảng khi gia đình có công việc gì thì ông vẫn thấy bà K về địa phương. Khi về địa phương, bà K ở cùng với con gái của ông và bà K là chị Phí Thị L. Kể từ khi bà K bỏ đi đến nay giữa ông và bà K không còn liên lạc gì với nhau nữa, vợ chồng chính thức sống ly thân nhau từ năm 1993 đến nay. Nay, ông xác định không còn tình cảm gì với bà K, vợ chồng đã sống ly thân nhau hơn ba mươi năm nay, hiện nay cả ông và bà K cũng đều đã có cuộc sống riêng. Do vậy, ông đề nghị Tòa án giải Q cho ông được ly hôn với bà Đào Thị K.

Về con chung: Vợ chồng ông có ba con chung là chị Phí Thị L, sinh năm 1979, anh Phí Quang T, sinh năm 1982 và anh Phí Quang Q, sinh năm 1984. Hiện nay cả ba con chung đều đã trưởng thành và có cuộc sống gia đình ổn định, do vậy ông không đề nghị Tòa án giải Q về con chung.

Về tài sản chung, công nợ, ruộng đất nông nghiệp: Ông, bà không có tài sản gì chung, công nợ và cũng không có ruộng đất nông nghiệp chung nên ông không yêu cầu Toà án giải Q.

Ngoài ra ông Phí Quang L không còn yêu cầu nào khác.

Tòa án đã tiến hành giao thông báo thụ lý vụ án, tổng đạt, niêm yết các văn bản tố tụng cho bà K, nhưng bà K không có ý kiến gì và không đến Tòa án để làm việc. Tại phiên toà hôm nay, bà K vắng mặt không có lý do.

Ngày 07 tháng 6 năm 2024, Tòa án tiến hành mở phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bà K vắng mặt nên các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải Q toàn bộ vụ án.

Ngày 12 tháng 8 năm 2024, Tòa án nhân dân huyện Yên Dũng mở phiên tòa xét xử vụ án, ông L có đơn xin xét xử vắng mặt, bà K đã được Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ nhất nhưng vắng mặt không có lý do. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Dũng đề nghị hoãn phiên tòa nên Hội đồng xét xử hoãn phiên tòa.

Tại phiên tòa hôm nay, ông L có đơn xin xét xử vắng mặt, bà K đã được Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử đã tiến hành xét xử vắng mặt ông L và bà K.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Dũng tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Quá trình giải Q vụ án, cũng như tại phiên tòa hôm nay Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự; nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do, nên đề nghị Hội đồng xét xử xét xử vụ án theo thủ tục chung.

+ Về việc giải Q vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng các Điều 51, 53, 56, 58 Luật hôn nhân và gia đình; các Điều 28, 35, 39, 147, 227, Điều 228, 238, 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị Q số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, xử:

Về quan hệ hôn nhân: Cho ông Phí Quang L được ly hôn bà Đào Thị K.

Về án phí: Ông Phí Quang L được miễn án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, sau khi nghe ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Dũng và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đối với nguyên đơn là ông Phí Quang L đã có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn là bà Đào Thị K đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do; căn cứ vào Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định.

[2]. Về thẩm quyền giải Q vụ án: Ông Phí Quang L là nguyên đơn có đơn xin ly hôn bà Đào Thị K, bà K có hộ khẩu thường trú tại thôn Đông Phú, xã Xuân Phú, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang nên căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Đây là vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải Q của Tòa án nhân dân huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang.

[3]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Ông Phí Quang L có đơn xin ly hôn với bà Đào Thị K nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28 xác định quan hệ pháp luật là “Ly hôn”.

[4]. Về nội dung:

[4.1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Phí Quang L trình bày ông và bà Đào Thị K được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới hỏi theo phong tục tập quán của địa phương năm 1978. Trước khi kết hôn có đến UBND xã Xuân Phú, huyện Yên Dũng để đăng ký kết hôn theo quy định, tuy nhiên do đã quá nhiều năm nên đến

nay ông không còn lưu giữ được giấy đăng ký kết hôn để cung cấp cho Tòa án. Tòa án xác minh tại UBND xã Xuân Phú, Ủy ban nhân dân xã Xuân Phú cho biết hiện nay Ủy ban không lưu được sổ đăng ký kết hôn năm 1978 nên không xác nhận được ông L, bà K có làm thủ tục đăng ký kết hôn hay không. Do đó, không có căn cứ nào chứng minh ông L, bà K có đăng ký kết hôn. Tuy nhiên, qua các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ thể hiện việc ông L chung sống với bà K từ năm 1978 và được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới hỏi theo phong tục tập quán của địa phương. Mặt khác ông L, bà K có ba người con chung là chị Phí Thị L, sinh năm 1979, anh Phí Quang T, sinh năm 1982 và anh Phí Quang Q, sinh năm 1984. Do vậy, có căn cứ xác định ông L, bà K đã chung sống với nhau như từ năm 1978. Theo quy định tại điểm 1 Thông tư liên tịch số 01/2001/TTLTTANDTC- VKSNDTC-BTP ngày 03/01/2001 Hướng dẫn thi hành Nghị Q số 35/2000/QH10 ngày 9 tháng 6 năm 2000 của Quốc hội “Về việc thi hành Luật hôn nhân và gia đình”, có hướng dẫn như sau: “... trường hợp quan hệ vợ chồng được xác lập trước ngày 03/01/1987 (ngày luật Hôn nhân và gia đình năm 1986 có hiệu lực) mà chưa đăng ký kết hôn, nếu một bên hoặc cả hai bên có yêu cầu ly hôn, thì Tòa án thụ lý vụ án và áp dụng quy định về ly hôn...”. Do vậy, Tòa án thụ lý giải Q về ly hôn giữa ông L, bà K là phù hợp với quy định pháp luật.

Quá trình chung sống của ông L bà K thì thấy: Cuộc sống vợ chồng thời gian đầu hạnh phúc, theo ông L trình bày mâu thuẫn giữa vợ chồng bắt đầu phát sinh từ năm 1988 nguyên nhân là do bà K có quan hệ ngoại tình với người đàn ông khác bị ông phát hiện nên vợ chồng cãi chửi nhau. Năm 1993 bà K bỏ về gia đình nhà mẹ đẻ ở, không ở với bố con ông nữa, sau đó bà K bỏ đi làm ăn, ông và bà K chính thức sống ly thân nhau từ năm 1993 đến nay.

Qua xác minh tại địa phương, phía ông Phí Quang Huy là trưởng thôn Đông Phú cho biết như sau: Ông L và bà K được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới hỏi theo phong tục tập quán của địa phương năm 1978. Sau khi kết hôn bà K về chung sống cùng ông L ngay, vợ chồng có đăng ký kết hôn không địa phương không nắm được, trong quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn từ thời gian nào và nguyên nhân mâu thuẫn ra sao địa phương không nắm được, chỉ biết sau khi sinh con được vài năm bà K bỏ về nhà bố mẹ đẻ của bà ở, không ở với ông L nữa. Sau này bà đi làm ăn ở đâu địa phương không nắm được. Thi thoảng gia đình con gái bà K có việc cũng thấy bà về, rồi lại đi ngay. Nay, ông L đề nghị Tòa án giải Q cho ông được ly hôn với bà K, địa phương đề nghị Tòa án giải Q theo quy định của pháp luật.

Tòa án tiến hành làm việc với chị Phí Thị L là con gái của bà K và ông L, chị L trình bày: Bố mẹ chị là ông L, bà K lấy nhau năm 1978 trên cơ sở tự nguyện. Chị nghe bố chị kể lại khi lấy nhau bố mẹ chị có đến UBND xã Xuân

Phú đăng ký kết hôn theo quy định. Sau khi kết hôn bố mẹ chị chung sống với nhau ngay, cuộc sống mấy năm đầu hoà thuận hạnh phúc sau đó thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân xảy ra mâu thuẫn chị không nắm được do khi đó chị vẫn còn nhỏ, sau này bố chị nói lại cho chị biết là do mẹ chị ngoại tình với người đàn ông khác nên vợ chồng xảy ra cãi chửi nhau. Năm 1993 mẹ chị bỏ về ở cùng gia đình bà ngoại chị, không còn sống với bố con chị nữa. Sau đó một thời gian mẹ chị bỏ đi làm ăn ở đâu thì chị không rõ. Từ đó bố mẹ chị sống ly thân nhau. Nay, bố chị ông L đề nghị Toà án giải Q cho ly hôn với mẹ chị là bà K, chị đề nghị Toà án giải Q theo nguyện vọng của bố chị. Hiện nay mẹ chị vẫn có hộ khẩu thường trú tại địa phương và đăng ký hộ khẩu trong gia đình chị, do chồng chị là anh Nguyễn Văn Tuyên làm chủ hộ. Mẹ chị hiện không có ở nhà, chị có nghe nói mẹ chị đang làm ăn ở Trung Quốc nhưng thực tế có đúng không thì chị cũng không rõ vì mẹ chị không nói với chị. Mẹ chị vẫn thường xuyên gọi điện về cho chị hỏi thăm công việc gia đình và khi gia đình chị có việc mẹ chị lại một vài hôm rồi lại đi ngay.

Sau khi có thông tin về việc bà K đi Trung Quốc sinh sống, Tòa án đã có Công văn yêu cầu tra cứu thông tin tại cục xuất nhập cảnh đối với bà Đào Thị K. Ngày 27/9/2024 Tòa án đã nhận được công văn trả lời của Cục Xuất nhập cảnh, Tại công văn trả lời số 2927/QLXN cung cấp: “Không có thông tin cấp hộ chiếu và xuất, nhập cảnh của bà Đào Thị K”.

Từ những phân tích nêu trên, chứng tỏ hôn nhân giữa ông L và bà K đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, yêu cầu của ông L xin ly hôn bà K là có căn cứ chấp nhận. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình để xử cho ông L được ly hôn bà K.

[4.2] Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng ông L, bà K có 03 con chung là chị Phí Thị L, sinh năm 1979, anh Phí Quang T, sinh năm 1982 và anh Phí Quang Q, sinh năm 1984. Hiện nay các con của ông L, bà K đều đã trưởng thành. đều đã có gia đình riêng, ông L không đề nghị Tòa án xem xét giải Q. Do vậy HĐXX không xem xét, giải Q.

[4.3]. Về tài sản chung, công nợ và ruộng đất nông nghiệp: Ông L không yêu cầu Tòa án giải Q nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải Q.

[5] Về án phí: Ông Phí Quang L được miễn án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị Q 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 131 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 235, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị Q số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội về việc thi hành Luật hôn nhân và gia đình năm 2000; Thông tư số 01/2001/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 03/01/2001 hướng dẫn thi hành Nghị Q số 35/2000/QH10; Điểm đ Điều 12 Nghị Q số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. *Về quan hệ hôn nhân:* Ông Phí Quang L được ly hôn với bà Đào Thị K.

2. *Về án phí:* Ông Phí Quang L được miễn án phí dân sự sơ thẩm nên ông L được hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số: 0005568 ngày 11/3/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Yên Dũng.

3. *Về quyền kháng cáo:* Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Yên D;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện Yên D;
- UBND xã Xuân P;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Nguyễn Thị Anh

